

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HS.ST
Ngày 18-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Văn Thi Hoàng, Hiệu trưởng Trường THCS Phan Bội Châu, thành phố Hội An.

2/ Ông Lê Tấn Hoành, Giáo viên nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 07/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020, đối với bị cáo:

T, sinh ngày 19/8/2002, tại Quảng Nam; nơi cư trú: khối M, phường C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông N (sinh năm: 1978) và bà M (sinh năm: 1978); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lê Thị Thanh Liên, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. *(Có mặt)*

- Bị hại: Bà H, sinh năm 1969. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn V, xã C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

1) Ông N, sinh năm 1978. *(Có mặt)*

Địa chỉ: khối M, phường C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

2) Ông C, sinh năm 1973. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn V, xã C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

3) Ông A, sinh năm 1992. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: thôn V, xã C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SALUT màu sơn đỏ, đen có biển kiểm soát 92F5-0745 của cha ruột là ông N đi từ nhà đến nhà hàng X tại thôn V, xã C, tp A, Quảng Nam để làm việc. Đến khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo T, ông A và ông C cùng nhậu tại phía sau bếp nhà chị H. Đến 14 giờ 00 phút, chị H đi khỏi nhà, trong nhà không còn ai. Đến 15 giờ 00 phút, T lại giưòng gần chỗ nhậu nằm nghỉ, A và C dọn dẹp chỗ nhậu. Sau khi dọn dẹp xong, A và C đi về nhà C (đối diện nhà chị H) để nhậu tiếp. Thấy A và C đã đi khỏi, nhà chị H không còn ai nên bị cáo T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vào phòng ngủ thứ hai gần chỗ nhậu, thấy trong phòng có một tủ nhựa màu xanh có 06 ngăn (02 ngăn nhỏ phía trên cùng và 04 ngăn dưới), dùng tay lục ngăn tủ thứ hai (từ trên xuống) thì phát hiện có 01 (Một) cái ví, bên trong có số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), 01 (Một) túi vải màu đỏ bên trong có 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng có mặt hình chữ nhật đính đá và 01 (Một) cái lắc đeo tay bằng vàng. T lấy tiền và túi vải cất vào trong túi quần rồi quay lại Nhà hàng X, lấy xe mô tô đi đến nhà C ngồi uống tiếp 01 lon bia rồi đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ 00, T đang ngủ ở nhà thì C điện thoại nói nhà chị H bị mất trộm tài sản. Nghe vậy, bị cáo T lấy túi vải đỏ trộm được cất giấu vào trong tủ áo quần của mình, số tiền 6.000.000 đồng T bỏ vào ví da (có sẵn 50.000 đồng) rồi đem giấu bên lề đường bên phải Nhà văn hóa khối T, phường C, thành phố A. Sau đó, bị cáo T đạp xe đạp đến nhà chị H thì được Công an xã C mời về trụ sở làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 37/KL-ĐGTS ngày 01/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thành phố A đã xác định: 01(Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình chữ nhật đính đá và 01 (Một) cái lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng có giá trị: 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 37/CT-VKSHA ngày 06 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố A đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 và Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng. Về trách nhiệm dân sự, bị hại, bà H không yêu cầu gì nên không đề cập. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và

Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên trả lại cho bị cáo T 01 (Một) ví da màu xanh đen và số tiền 50.000 đồng (Năm mươi ngàn đồng).

Người bào chữa cho bị cáo T cho rằng khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo là người chưa thành niên nên có những hạn chế nhất định về tâm sinh lý và nhận thức so với người thành niên. Vì vậy cần áp dụng các quy định của pháp luật về xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 173; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, nhằm thể hiện sự nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

Bị cáo T thống nhất với nội dung cáo trạng, thống nhất với luận cứ bào chữa của người bào chữa, thừa nhận hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, rất ăn năn hối lỗi; đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ phạt cho bị cáo. bị hại, bà H tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị hại bà H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông C và ông A đều vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng những người này đã được lấy lời khai và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố A và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/3/2020, tại nhà chị H, bị cáo T đã lén lút chiếm đoạt của chị H 01 (Một) cái ví, bên trong có số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), 01 (Một) túi vải màu đỏ bên trong có 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng có

mặt hình chữ nhật đính đá và 01 (Một) cái lắc đeo tay bằng vàng. Tổng giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt là 29.800.000 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định hành vi trên đây của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A.

[3] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:*

Tội phạm mà bị cáo gây ra xâm phạm tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Bị cáo T đã nhận thức được rằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật. Nhưng vì lòng tham nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải xử lý theo đúng quy định của pháp luật mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy:*

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo T phạm tội ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và bị cáo có khả năng tự cải tạo. Nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ để bị cáo rèn luyện, trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Bà H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] *Về xử lý vật chứng:* Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố A đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 25 ngày 17/6/2020, trả cho bà H 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), 01 (Một) túi vải màu đỏ bên trong có 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng có mặt hình chữ nhật đính đá và 01 (Một) cái lắc đeo tay bằng vàng. Việc trao trả các vật chứng trên là đúng quy định.

Đối với các vật chứng còn lại, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: trả lại cho bị cáo Trí 01 (Một) ví da màu xanh đen và số tiền 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, cần tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với xe xe mô tô nhãn hiệu SALUT màu sơn đỏ, đen có biển kiểm soát 92F5-0745 do ông N là chủ sở hữu, T dùng xe này để đi đến nơi làm việc và không sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không đề cập.

Đối với ông A và ông C cùng nhậu chung với T vào chiều ngày 20/3/2020, hai ông không biết việc T thực hiện hành vi phạm tội nên không xử lý là đúng quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo T 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố A, tỉnh Quảng Nam để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (*đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017*) và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tuyên trả cho bị cáo T 01 (*Một*) ví da màu xanh đen.

Tuyên trả cho bị cáo T số tiền 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*), nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật.

(Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố A theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/8/2020 và giấy nộp tiền vào tài khoản số: 3949.0.9043934.00000 tại kho bạc Nhà nước Hội An ngày 14/7/2020).

Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (*18/9/2020*). Những người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Công an thành phố Hội An;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA tỉnh Quảng Nam;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

HUỲNH THỊ BÍCH HÀ